

Thứ tư, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Vietnam Daily Review

Chính thức chinh phục mốc 1,000 điểm

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 31/10/2019			•
Tuần 28/10-1/11/2019			•
Tháng 10/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Trong phiên sáng, VN-Index có đà hồi phục nhẹ khi các mã cổ phiếu trụ cột thị trường như VIC, VCB, VHM, PLX, GAS có sự đồng thuận đi lên. Đến phiên chiều, thị trường duy trì tốt đà tăng và thành công chinh phục ngưỡng tâm lý quan trọng 1,000 điểm nhờ sự bứt phá của nhóm cổ phiếu nhà Vingroup VIC, VHM, VRE. Thị trường có phiên giao dịch tích cực đi ngược lại xu hướng của các TTCK chủ chốt trong khu vực. Tuy khối ngoại vẫn tiếp tục bán ròng, nhưng trước kỳ vọng về một đợt cắt giảm lãi suất tiếp theo của Fed của nhà đầu tư, VN-Index ghi nhận đà tăng đồng thuận với thanh khoản có sự cải thiện nhẹ. Mặc dù vậy, do ngưỡng 1,000 điểm là mốc kháng cự khá mạnh, những rung lắc trong vùng giá này có thể sẽ vẫn hiện diện.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh. VNM điều chỉnh giảm sau khi không thành công vượt qua ngưỡng 135. Thanh khoản tăng mạnh trong phiên hôm nay, đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của VNM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Danh mục i-Invest: Theme_Dầu khí -0.8%. 13/17 danh mục Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.5%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

Phân tích kỹ thuật: PVD_Tín hiệu tích cực (Trang 3)

Các mã cổ phiếu tăng giá theo như dự báo của BSC bao gồm: **PNJ, KDH, ANV, TCB, BID**

Cập nhật iBroker: STK, HT1, PHR, DRC, STB

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.02 điểm**, đóng cửa 1000.89. HNX-Index **+1.21 điểm**, đóng cửa 105.89.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+1.79); VCB (+1.55); VHM (+1.19); GAS (+0.57); VRE (+0.45)**.
- Kéo chỉ số giảm: **VNM (-1.06); BID (-0.39); MWG (-0.27); HPG (-0.16); VPB (-0.07)**.
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **3,119 tỷ đồng**, **+4.6%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 8.54 điểm. Thị trường có 173 mã tăng, 66 mã tham chiếu và 146 mã giảm.
- Giá trị bán ròng của khối ngoại: **46.25 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (57.88 tỷ), VJC (28.87 tỷ) và MSN (28.23 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **5.19 tỷ đồng**.

BSC RESEARCH

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

mydh@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Nhóm Investment - i-Invest

Lương Minh Hiền

hienlm@bsc.com.vn

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

VN-INDEX

1000.89

Giá trị: 3119 tỷ

5.02 (0.5%)

Khối ngoại (ròng): -46.25 tỷ

HNX-INDEX

105.89

Giá trị: 382.79 tỷ

1.21 (1.16%)

Khối ngoại (ròng): 5.19 tỷ

UPCOM-INDEX

56.26

Giá trị: 200.1 tỷ

-0.1 (-0.18%)

Khối ngoại(ròng): 2.89 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	55.5	-0.13%
Giá vàng	1,490	0.19%
Tỷ giá USD/VND	23,202	0.00%
Tỷ giá EUR/VND	25,794	0.19%
Tỷ giá JPY/VND	21,316	0.03%
LS liên NH 1 tháng	2.5%	1.00%
LS TPCP 5 năm	2.6%	-1.26%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VRE	31.1	VNM	57.9
ROS	25.7	VJC	28.9
VIC	12.6	MSN	28.2
VCB	11.2	BID	12.4
BMP	7.6	VHM	10.1

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Cập nhật hàng hóa	Trang 4
Thị trường phái sinh	Trang 5
Cổ phiếu lớn	Trang 6
Thống kê thị trường	Trang 7
Báo cáo mới nhất	Trang 8
iBroker	Trang 9
Khuyến cáo sử dụng	Trang 10



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* **13/17 danh mục** Chủ đề có hiệu suất trong ngày **Khả quan**, trong đó 5/17 danh mục có hiệu suất tốt hơn VNINDEX (0.5%). Đặc biệt, danh mục **Dầu khí** - kỳ vọng giá dầu hồi phục và các dự án lớn của ngành được triển khai - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **0.8%**.

* Các danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** tiếp tục có hiệu suất thể hiện tính an toàn hơn thị trường chung:

- **14/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **5/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme_Dầu khí_0.8%

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề (Click để xem báo cáo)	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Dầu khí	0.8%	2.3%	-1.2%	-6.0%	-2.2%	2.2%	12.6%
Nước & Năng lượng	0.7%	2.3%	-2.7%	1.5%	1.2%	16.2%	53.9%
Ngân hàng	0.7%	1.2%	1.4%	11.6%	15.7%	17.5%	84.0%
Xây dựng	0.7%	1.2%	-5.4%	-0.2%	-3.7%	-7.1%	25.8%
Cổ phiếu đầu ngành tài chính	0.5%	0.7%	0.5%	8.2%	9.7%	7.0%	40.0%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.5%	1.2%	0.0%	-1.1%	1.5%	12.6%	79.4%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.4%	0.7%	-3.3%	-4.5%	-6.0%	-8.2%	41.2%
BDS & Khu công nghiệp	0.3%	0.7%	-1.0%	0.6%	6.4%	11.5%	61.1%
Lãi suất giảm	0.2%	0.0%	-1.1%	0.6%	3.7%	6.5%	49.3%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.1%	1.4%	-0.9%	7.5%	11.1%	13.6%	72.9%
Xây dựng & Vật liệu XD	0.1%	0.3%	0.5%	3.2%	-0.5%	3.1%	-3.5%
Vật liệu Xây dựng	0.1%	1.1%	4.1%	6.8%	7.3%	14.9%	10.0%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.0%	1.1%	-1.3%	-2.4%	1.0%	20.3%	50.6%
Cổ phiếu cơ sở Chứng quyền	-0.1%	1.1%	-0.4%	7.1%	13.4%	20.9%	90.1%
Chiến tranh thương mại	-0.1%	-0.4%	-1.9%	-2.9%	-1.2%	3.1%	7.6%
Cổ phiếu hết room ngoại	-0.2%	0.8%	-1.0%	11.1%	17.9%	19.0%	80.8%
Hàng tiêu dùng	-0.6%	-0.8%	-0.3%	4.3%	8.9%	16.2%	59.0%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 3	0.7%	1.1%	1.3%	3.6%	2.9%	4.2%	30.5%
Danh mục 8	0.6%	1.5%	0.6%	5.8%	14.2%	24.9%	69.0%
Danh mục 10	0.6%	2.3%	-3.0%	6.4%	13.4%	16.1%	63.3%
Danh mục 16	-0.4%	0.9%	0.4%	6.1%	13.9%	19.5%	72.1%
Danh mục 1	-0.7%	1.2%	0.5%	10.2%	15.2%	18.6%	71.1%
* Note	14/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	0.6%	2.1%	-0.4%	6.7%	14.5%	20.3%	68.1%
Danh mục 22	0.6%	1.8%	-0.5%	11.8%	19.6%	22.8%	79.0%
Danh mục 21	0.5%	1.2%	-0.6%	6.0%	10.2%	11.8%	42.7%
Danh mục 19	0.0%	1.4%	1.6%	9.3%	16.0%	26.9%	64.8%
Danh mục 23	0.0%	0.1%	1.1%	2.1%	3.2%	12.5%	104.9%
* Note	5/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.5%	1.3%	0.1%	0.4%	4.5%	10.0%	45.3%
VN30INDEX	0.1%	0.6%	-0.1%	4.2%	5.3%	4.1%	40.3%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

BSC RESEARCH

10/30/2019

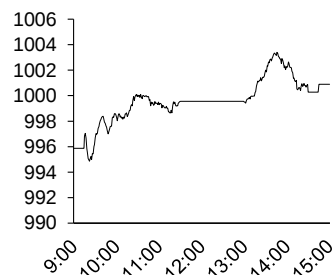
Vietnam Daily Review

Vũ Quốc Khánh

khanhvq@bsc.com.vn

Hình 1

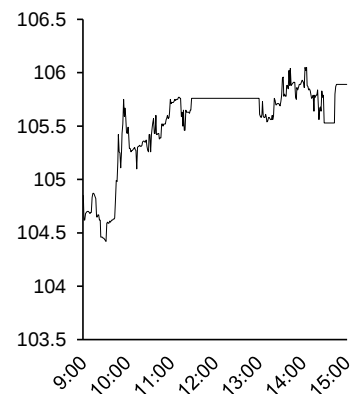
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Ô tô và phụ tùng	2.2%
Dầu khí	1.7%
Bất động sản	1.3%
Dịch vụ tài chính	0.8%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.8%
Ngân hàng	0.7%
Du lịch và Giải trí	0.3%
Y tế	0.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	0.2%
Xây dựng và Vật liệu	0.1%
Bảo hiểm	0.0%
Viễn thông	0.0%
Công nghệ Thông tin	-0.1%
Hàng cá nhân & Gia dụng	-0.2%
Truyền thông	-0.3%
Thực phẩm và đồ uống	-0.5%
Hóa chất	-0.5%
Tài nguyên Cơ bản	-0.6%
Bán lẻ	-1.4%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

PVD_Tín hiệu tích cực

Điểm nhấn kỹ thuật:

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: Hồi phục ngắn hạn
- Chỉ báo xu hướng MACD: Phân kỳ âm, MACD nằm trên đường tín hiệu.
- Chỉ báo RSI: Vùng trung lập, xu hướng tăng.

Nhận định: PVD đang hình thành xu hướng hồi phục sau khi chạm đáy tại ngưỡng giá 15.9. Thanh khoản cổ phiếu đã vượt lên ngưỡng giao dịch trung bình 20 phiên, cho thấy động lực tăng giá đang hình thành. Chỉ báo RSI duy trì xu hướng tích cực trong khi chỉ báo MACD đang cho thấy tín hiệu khởi đầu của xu hướng tăng giá. Đường giá cổ phiếu cũng chưa chạm lại dải mây Ichimoku báo hiệu xu hướng tăng trong trung hạn chưa hình thành. Như vậy, PVD có thể quay trở lại kiểm tra ngưỡng vùng kháng cự 18-19 trong các phiên giao dịch tới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD

Kết quả kinh doanh năm 2019 dự kiến khởi sắc với doanh thu và lợi nhuận sau thuế lần lượt ước đạt 5,370 tỷ đồng (-2.4% yoy) và 350 tỷ đồng (+72% yoy). Nếu loại trừ khoản nợ quá hạn từ PVEP, lợi nhuận cốt lõi của PVD ước đạt 219 tỷ đồng (+16.3% yoy), EPS cốt lõi đạt 912 đồng/cp. PE FW cốt lõi 2019 đạt 19.3 lần.

Cập nhật KQKD

KQKD năm 2018 đạt kết quả khả quan hơn so với kỳ vọng của thị trường, hoàn thành kế hoạch không lỗ. Cụ thể, doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế năm 2018 lần lượt đạt 5,503 tỷ đồng (+41.4% yoy) và 187.9 tỷ đồng (+315% yoy). Thu hồi được khoản nợ xấu từ PVEP và hoàn nhập một phần khoản dự phòng nợ xấu. Tính đến cuối Q4/2018, tổng khoản nợ xấu của PVEP đạt mức 279.2 tỷ đồng, giảm 355.8 tỷ đồng so với thời điểm đầu năm, qua đó PVD đã hoàn nhập được khoảng 118.4 tỷ đồng. Điều chỉnh thời gian khấu hao các giàn khoan tự nâng PVD II, III và VI từ 20 năm lên 35 năm giúp cho biên lợi nhuận cải thiện. Đối với giàn khoan tự nâng PVD II, III và VI, PVD đã xin phép điều chỉnh thời gian khấu hao từ 20 năm lên 35 năm.

Chi tiết tham khảo BSC - iBroker: PVD 2019Q1

Các mã cổ phiếu tăng giá theo dự báo của BSC

PNJ_Tăng giá

[Link](#)

KDH_Bứt phá

[Link](#)

ANV_Hồi phục

[Link](#)

TCB_Tín hiệu tích cực

[Link](#)

BID_Tiến về vùng đỉnh cũ

[Link](#)

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 30/10/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 29/10	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	55.56	-0.54%	2.59%	2.76%	-16.04%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	61.59	0.03%	3.18%	1.34%	-18.86%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.69	1.33%	5.33%	5.59%	-6.16%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1488.51	-0.33%	0.04%	1.10%	21.72%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	17.80	-0.31%	1.61%	4.72%	23.25%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	917.24	-0.30%	-1.79%	1.24%	10.05%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	511.97	-0.05%	-1.16%	3.27%	2.44%		AFX
Sữa	USD /cwt	18.67	0.00%	0.11%	2.13%	20.14%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	150.90	0.53%	1.68%	-3.58%	3.93%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	12.35	-1.52%	1.31%	3.52%	-7.36%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.17	0.00%	-2.16%	0.63%	-3.35%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	98.75	-1.74%	-0.15%	-2.37%	-12.14%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.69	0.37%	2.50%	4.79%	0.92%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3501.00	0.40%	1.66%	-4.16%	-22.22%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1737.00	0.52%	0.46%	0.90%	-11.69%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	86.50	1.17%	1.17%	-6.99%	13.07%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	69.92	-0.92%	1.23%	-2.46%	-34.65%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Chốt phiên giao dịch đêm qua, dầu thô Brent tăng 2 US cent lên 61.59 USD/thùng, trong khi dầu thô Tây Texas WTI giảm 27 US cent xuống 55.54 USD/thùng.
- Giá dầu diễn biến trái chiều, giảm mạnh trong đầu phiên do các nhà đầu tư tập trung vào dấu hiệu cho thấy rằng, căng thẳng thương mại Mỹ - Trung có thể suy giảm trong tháng tới, sau đó bật tăng trở lại do dự kiến dự trữ các sản phẩm tinh chế của Mỹ trong tuần trước giảm.

Giá vàng

- Vàng giao ngay trên sàn LBMA giảm 0.3% xuống 1,487.54 USD/ounce và vàng kỳ hạn tháng 12/2019 trên sàn New York giảm 0.3% xuống 1,490.7 USD/ounce.
- Giá vàng giảm xuống mức thấp nhất 1 tuần do gia tăng kỳ vọng 1 thỏa thuận thương mại Mỹ - Trung, trong khi các nhà đầu tư chờ xem cuộc họp của Cục Dự trữ Liên bang Mỹ trong tuần này, được dự kiến sẽ cắt giảm lãi suất.

Giá quặng sắt

- Quặng sắt kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Đại Liên giảm 1.7% xuống 622 CNY (88.14 USD)/tấn. Nguyên nhân chính do dự trữ quặng sắt nhập khẩu tại các cảng của Trung Quốc trong tuần trước tăng lên mức cao nhất 6 tháng (134.1 triệu tấn). Nhập khẩu quặng sắt của Trung Quốc trong tháng 9/2019 tăng tháng thứ 3 liên tiếp lên mức cao nhất 20 tháng và không có dấu hiệu chậm lại, vượt 100 triệu tấn trong tháng 10/2019, do xuất khẩu từ các công ty khai thác quặng lớn duy trì ổn định. Đồng thời, giá quặng sắt giảm do lo ngại về nhu cầu nguyên liệu sản xuất thép tại Trung Quốc, nước sản xuất và cung cấp thép hàng đầu thế giới, trong bối cảnh nền kinh tế toàn cầu suy yếu.
- Giá thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thượng Hải tăng 0.2%. Thép cuộn cán nóng tăng 0.2%.

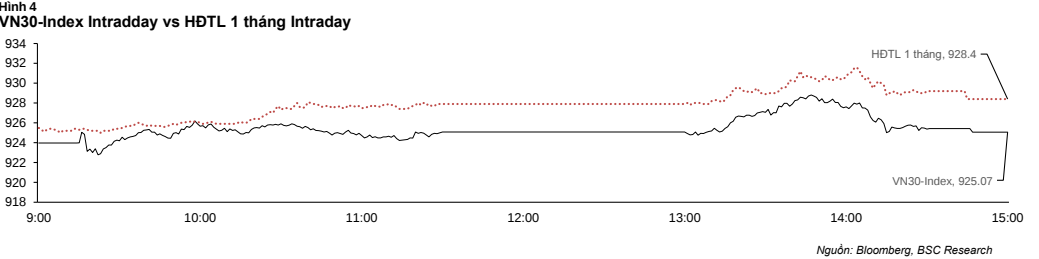
Giá nông sản

- Cà phê robusta kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn London giảm 1 USD tương đương 0.1% xuống 1,276 USD/tấn. Cà phê arabica trên sàn New York kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 1.55 US cent tương đương 1.54% xuống 98.95 US cent/lb.
- Giá đường thô kỳ hạn tháng 3/2020 giảm 0.2 US cent tương đương 1.6% xuống 12.34 US cent/lb. Giá đường trắng kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2.3 USD tương đương 0.7% xuống 338.5 USD/tấn. Giá đường giảm trở lại từ mức cao nhất 2 tuần trong phiên trước đó, do đồng real Brazil suy yếu, trong khi giá cà phê cũng giảm.

Giá cao su

- Hợp đồng kỳ hạn tháng 4 trên sàn TOCOM giảm 0.2 JPY (0,0018 USD) xuống 170.2 JPY/kg. Hợp đồng kỳ hạn tháng 1/2020 tại Thượng Hải giảm 20 CNY (2.83 USD) xuống 11,790 CNY/tấn. Giá cao su tại Tokyo giảm theo xu hướng giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải.

Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	± Điểm	%	KLGD	Đáo hạn	Số ngày*
VN30F1911	928.40	0.26%	3.33	101.9%	65856	11/21/2019	24
VN30F1912	928.40	0.23%	3.33	118.4%	190	12/19/2019	52
VN30F2003	930.00	0.49%	4.93	166.7%	24	3/19/2020	143
VN30F2006	930.10	0.35%	5.03	250.0%	70	6/18/2020	234

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng +1.10 điểm lên mức 925.07 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như VIC, VHM, VCB, VJC, và VRE tác động mạnh đến vận động tăng điểm của VN30. Trong phiên sáng, VN30 vận động tích lũy quanh 925 điểm. Sang phiên chiều, VN30 điều chỉnh giảm sau khi tăng tích cực lên gần 929 điểm, cuối phiên tích lũy trên 925 điểm. Thanh khoản giảm nhẹ, tuy vẫn duy trì tại mức tích cực, VN30 có thể tăng lên trên 930 điểm trong những phiên tới.
- Các HDTL đều tăng theo chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1912, các hợp đồng khác đều giảm. Điều này báo hiệu việc điều chỉnh giảm trong trung hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 925 điểm cho các hợp đồng ngắn hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Đáo hạn	Số ngày	CR	KLGD	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn	Giá phát hành	Giá CQ	± Ngày	Giá Lý thuyết	Price/Value
CMBB1906	VND	1/9/2020	71	2:1	155,940	N/A	3.0 triệu	0.00%	2,100	2,160	N/A	-	
CTCB1901	MBS	1/17/2020	79	2:1	162,210	N/A	2.0 triệu	0.00%	1,680	1,650	N/A	-	
CVIC1901	KIS	11/14/2019	15	5:1	184,960	536.7%	2.0 triệu	18.26%	1,960	350	52.17%	-	
CSTB1901	KIS	1/9/2020	71	1:1	131,590	-68.6%	1.5 triệu	19.90%	1,390	1,520	11.76%	313.50	4.85
CVIC1902	SSI	4/22/2020	175	1:1	10,180	-20.2%	1.0 triệu	18.26%	22,700	21,460	5.14%	8,914.30	2.41
CMBB1902	HSC	12/17/2019	48	1:1	161,120	-1.7%	1.0 triệu	16.91%	3,200	3,900	4.00%	1,336.80	2.92
CMBB1905	HSC	4/8/2020	161	2:1	154,060	639.6%	5.0 triệu	16.91%	1,700	1,700	3.03%	596.20	2.85
CVRE1902	HSC	4/8/2020	161	4:1	300,060	205.3%	5.0 triệu	18.91%	1,300	1,350	2.27%	658.00	2.05
CVHM1902	SSI	4/22/2020	175	1:1	14,100	11.9%	1.0 triệu	26.84%	18,600	16,760	1.15%	8,852.30	1.89
CVJC1902	SSI	4/22/2020	175	1:1	15,380	-39.2%	1.0 triệu	15.62%	27,900	31,830	1.05%	17,404.70	1.83
CFPT1905	SSI	4/22/2020	175	1:1	25,820	130.3%	1.0 triệu	20.06%	9,900	10,100	1.00%	5,602.30	1.80
CHPG1907	SSI	4/22/2020	175	1:1	70,310	274.8%	1.0 triệu	27.00%	4,200	4,050	0.00%	2,570.50	1.58
CMWG1902	VND	12/11/2019	42	4:1	72,810	161.9%	2.4 triệu	20.40%	2,990	9,500	-1.55%	9,375.60	1.01
CVNM1903	SSI	4/22/2020	175	1:1	56,520	54.3%	1.0 triệu	18.91%	26,600	29,290	-1.97%	18,134.80	1.62
CMWG1904	SSI	12/30/2019	61	1:1	93,870	310.8%	1.0 triệu	20.40%	14,000	38,330	-2.52%	37,723.30	1.02
CMWG1906	MBS	12/16/2019	47	5:1	129,700	-42.7%	3.0 triệu	20.40%	2,850	2,630	-4.36%	1,610.30	1.63
CMWG1903	HSC	12/30/2019	61	5:1	178,600	164.4%	2.0 triệu	20.40%	2,700	6,400	-6.84%	6,542.90	0.98
CMWG1907	HSC	4/8/2020	161	10:1	262,480	-22.7%	5.0 triệu	20.40%	1,900	1,900	-6.86%	930.70	2.04
CREE1902	SSI	1/22/2020	84	1:1	49,620	177.4%	1.0 triệu	23.59%	5,600	5,100	-8.93%	3,097.60	1.65
CFPT1906	HSC	4/8/2020	161	5:1	236,320	280.7%	5.0 triệu	20.06%	1,700	1,810	-9.50%	837.40	2.16
CVNM1901	KIS	12/13/2020	410	10:1	580,230	-41.6%	5.0 triệu	18.91%	1,200	470	-17.54%	2.10	223.81
CHPG1906	KIS	11/14/2019	15	2:1	400,850	-22.1%	5.0 triệu	27.00%	1,500	50	-28.57%	-	
CHPG1902	KIS	12/11/2019	42	5:1	400,060	278.9%	6.0 triệu	27.00%	1,000	70	-30.00%	-	
Tổng:					5,430,950		113.2 triệu	18.87%**					
Chú thích:					Bảng bao gồm các chứng quyền có giá trị giao dịch nhiều nhất					CR: Tỷ lệ chuyển đổi			
					Lãi suất phi rủi ro là 4.75%					Số ngày: Số ngày đến thời điểm đáo hạn			
					**Trung bình độ lệch chuẩn					*Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes			

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/10/2019, phần lớn chứng quyền đều giảm trái chiều cùng chứng khoán cơ sở. Khối lượng giao dịch tăng mạnh.
- Về giá, CHPG1902 và CHPG1906 giảm mạnh nhất lần lượt là -30.00% và -28.57%. Ngược lại, CVIC1901 và CSTB1901 tăng mạnh nhất lần lượt là 52.17% và 11.76%. Thanh khoản thị trường tăng mạnh 37.79%. CVRE1901 tiếp tục có khối lượng giao dịch nhiều nhất, chiếm 11.53% thị trường.
- Ngoại trừ các chứng quyền có chứng khoán cơ sở là FPT, MWG, VJC và REE, hầu hết các chứng quyền khác đều có giá thị trường cao hơn nhiều lần mức giá lý thuyết. CMWG1904 và CVJC1902 là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi. CMWG1902 và CMWG1904 là những chứng quyền tích cực nhất xét về tỷ suất sinh lời. VNM điều chỉnh giảm sau khi không thành công vượt qua ngưỡng 135. Thanh khoản tăng mạnh trong phiên hôm nay, đồng thuận với tín hiệu giảm ngắn hạn bởi các chỉ báo động lượng. Điều chỉnh giảm của VNM có thể tạo áp lực giảm giá với chứng quyền của cổ phiếu này trong những phiên tiếp theo.

Tổ Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VIC	119.60	1.53	1.06
VHM	88.80	1.37	0.59
VCB	87.80	1.62	0.58
VJC	144.80	0.91	0.49
VRE	33.25	1.99	0.40

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
VNM	132.0	-1.57	-1.48
MWG	124.9	-1.65	-0.84
HPG	22.0	-0.90	-0.46
VPB	21.8	-0.46	-0.24
EIB	16.5	-0.60	-0.15

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMBB1906	24,200	#N/A	#N/A
CTCB1901	26,860	23,500	2,000
CVIC1901	150,688	140,888	119,600
CSTB1901	12,278	10,888	10,700
CVIC1902	137,700	115,000	119,600
CMBB1902	26,300	21,800	23,050
CMBB1905	26,400	#N/A	#N/A
CVRE1902	37,700	#N/A	#N/A
CVHM1902	103,600	85,000	88,800
CVJC1902	157,900	130,000	144,800
CFPT1905	64,900	55,000	57,800
CHPG1907	25,200	21,000	22,000
CMWG1902	48,130	90,000	124,900
CVNM1903	146,600	120,000	132,000
CMWG1904	165,000	90,000	124,900
CMWG1906	135,150	120,900	124,900
CMWG1903	25,800	95,000	124,900
CMWG1907	144,000	#N/A	#N/A
CREE1902	41,600	36,000	37,700
CFPT1906	65,500	57,000	57,800
CVNM1901	46,340	156,285	132,000
CHPG1906	31,088	28,088	22,000
CHPG1902	166,285	41,999	22,000

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	124.9	-1.7%	0.7	2,404	7.0	8,321	15.0	4.9	49.0%	37.7%
PNJ	Bán lẻ	83.0	0.5%	1.0	803	1.2	4,839	17.2	4.5	49.0%	28.6%
BVH	Bảo hiểm	70.8	-0.1%	1.3	2,158	0.5	1,505	47.0	3.2	25.3%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	32.2	-0.6%	0.7	324	0.1	2,801	11.5	1.1	54.3%	9.6%
VIC	Bất động sản	119.6	1.5%	1.1	17,399	3.1	1,643	72.8	4.8	15.1%	8.3%
VRE	Bất động sản	33.3	2.0%	1.1	3,367	5.1	1,033	32.2	2.7	31.4%	8.8%
NVL	Bất động sản	59.3	0.3%	0.8	2,399	0.9	3,579	16.6	2.7	7.4%	17.8%
REE	Bất động sản	37.7	-0.7%	1.0	508	1.0	5,614	6.7	1.2	49.0%	18.6%
DXG	Bất động sản	15.9	-1.5%	1.4	365	0.5	3,215	4.9	1.0	68.6%	25.9%
SSI	Chứng khoán	21.4	0.9%	1.4	472	1.0	1,737	12.3	1.2	56.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	35.0	2.3%	1.0	250	0.0	5,067	6.9	1.6	38.3%	24.7%
HCM	Chứng khoán	23.2	1.3%	1.5	308	0.6	1,287	18.0	1.6	56.2%	10.2%
FPT	Công nghệ	57.8	-0.2%	0.8	1,705	2.8	4,349	13.3	2.9	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	45.0	0.0%	0.4	487	0.0	3,778	11.9	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	103.2	1.0%	1.5	8,588	1.5	5,886	17.5	4.3	3.6%	26.1%
PLX	Dầu khí	59.3	1.7%	1.5	3,070	1.1	3,350	17.7	3.5	13.3%	20.1%
PVS	Dầu khí	18.8	1.6%	1.7	391	2.2	2,072	9.1	0.7	22.3%	10.0%
BSR	Dầu khí	9.6	-1.0%	0.8	1,294	0.6	1,163	8.3	1.0	41.1%	11.0%
DHG	Dược	92.6	-0.5%	0.5	526	0.1	4,535	20.4	3.8	54.3%	19.4%
DPM	Hóa chất	14.0	-1.4%	0.7	238	0.1	650	21.6	0.7	19.1%	3.7%
DCM	Hóa chất	7.4	0.5%	0.6	170	0.1	625	11.8	0.6	2.5%	5.5%
VCB	Ngân hàng	87.8	1.6%	1.3	14,158	2.3	5,274	16.6	4.0	23.9%	27.1%
BID	Ngân hàng	40.2	-1.0%	1.5	5,975	1.3	2,109	19.1	2.4	3.4%	13.5%
CTG	Ngân hàng	22.2	0.5%	1.6	3,586	2.9	1,641	13.5	1.1	30.0%	8.5%
VPB	Ngân hàng	21.8	-0.5%	1.2	2,281	1.3	3,341	6.5	1.3	23.2%	22.7%
MBB	Ngân hàng	23.1	0.9%	1.1	2,331	3.6	3,261	7.1	1.4	20.0%	21.8%
ACB	Ngân hàng	24.3	2.5%	1.1	1,713	7.8	3,585	6.8	1.6	44.3%	25.9%
BMP	Nhựa	53.4	0.8%	0.9	190	0.7	5,073	10.5	1.7	79.3%	16.5%
NTP	Nhựa	33.2	0.3%	0.3	142	0.0	4,184	7.9	1.3	20.8%	17.8%
MSR	Tài nguyên	16.5	0.6%	1.2	645	0.1	732	22.5	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.0	-0.9%	1.0	2,641	2.9	2,526	8.7	1.3	37.5%	17.4%
HSG	Thép	7.1	0.6%	1.6	131	0.8	425	16.8	0.6	17.0%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	132.0	-1.6%	0.8	9,994	7.5	5,465	24.2	8.1	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	261.0	0.4%	0.8	7,277	0.3	7,365	35.4	9.4	63.4%	28.4%
MSN	Tiêu dùng	74.0	0.0%	1.2	3,761	2.1	3,304	22.4	2.8	40.2%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	18.9	0.0%	0.5	482	1.0	445	42.5	1.7	6.0%	3.9%
ACV	Vận tải	78.8	0.0%	0.8	7,459	0.4	2,630	30.0	5.6	3.7%	19.7%
VJC	Vận tải	144.8	0.9%	1.1	3,298	4.5	9,850	14.7	5.6	19.9%	43.3%
HVN	Vận tải	35.2	-0.3%	1.7	2,168	0.5	1,747	20.1	2.8	9.9%	13.4%
GMD	Vận tải	26.9	0.0%	0.8	347	0.3	1,888	14.3	1.3	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.2	0.3%	0.6	210	0.2	2,571	6.7	1.2	30.6%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	85.4	0.2%	0.9	594	0.7	8,338	10.2	4.3	2.1%	45.8%
VGC	Vật liệu xây dựng	19.0	-0.3%	0.8	370	0.1	1,398	13.6	1.4	13.5%	10.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	16.9	0.3%	0.8	280	0.1	1,912	8.8	1.1	6.1%	13.8%
CTD	Xây dựng	79.3	0.8%	0.7	263	0.1	9,842	8.1	0.7	48.7%	9.3%
VCG	Xây dựng	26.6	0.0%	1.1	511	0.3	1,352	19.7	1.8	0.0%	9.9%
CII	Xây dựng	23.7	0.4%	0.5	255	0.2	387	61.3	1.2	51.8%	1.9%
POW	Điện	13.0	0.4%	0.6	1,319	0.7	820	15.8	1.2	14.2%	7.8%
NT2	Điện	23.0	-0.6%	0.6	288	0.3	2,721	8.5	1.6	19.6%	20.0%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VIC	119.60	1.53	1.77	600930.00
VCB	87.80	1.62	1.53	607710.00
VHM	88.80	1.37	1.18	737640.00
GAS	103.20	0.98	0.56	339620.00
VRE	33.25	1.99	0.45	3.54MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VNM	132.00	-1.57	-1.08	1.30MLN
BID	40.20	-0.99	-0.40	760410.00
MWG	124.90	-1.65	-0.27	1.27MLN
HPG	22.00	-0.90	-0.16	3.07MLN
VPB	21.80	-0.46	-0.07	1.42MLN

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HVG	4.77	6.95	0.02	1.36MLN
CLG	2.48	6.90	0.00	11900.00
BTT	39.55	6.89	0.01	530.00
PTC	6.86	6.85	0.00	15550.00
DLG	1.57	6.80	0.01	7.01MLN

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	5.73	-6.98	0.00	1150.00
CMV	12.05	-6.95	0.00	10.00
VTB	14.85	-6.90	0.00	680.00
DHM	3.82	-6.83	0.00	38770.00
TTB	19.20	-6.80	-0.02	7390.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	24.30	2.53	1.00	7.43MLN
PVS	18.80	1.62	0.08	2.69MLN
SHN	9.30	6.90	0.07	46800.00
PGS	32.40	4.52	0.05	700.00
NVB	9.00	1.12	0.04	1.18MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
IDJ	7.00	-9.09	-0.02	617200.00
TIG	4.40	-6.38	-0.02	2.15MLN
HUT	2.40	-4.00	-0.02	280800.00
CEO	9.40	-1.05	-0.02	366600.00
API	11.30	-8.13	-0.01	200.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

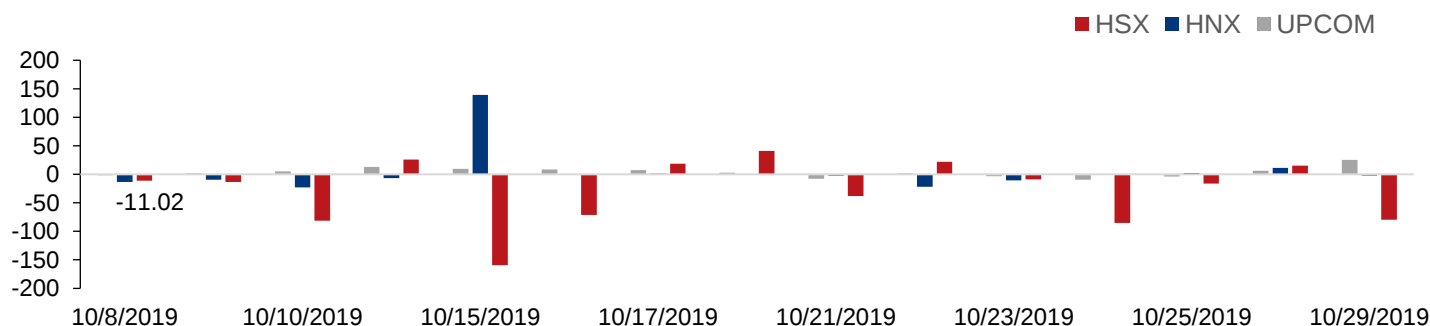
CK	Giá	%	Index pt	KLGD
HKB	0.70	16.7	0.01	173300.00
GDW	28.60	10.0	0.00	100.00
HVT	42.90	10.0	0.02	400.00
SJE	25.40	10.0	0.03	100.00
FDT	43.10	10.0	0.01	100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
CAN	24.30	-10.00	-0.01	100.00
HCT	26.10	-10.00	0.00	100.00
PGT	6.30	-10.00	0.00	4000.00
TFC	4.50	-10.00	0.00	10500.00
SCI	12.80	-9.86	-0.01	225400.00

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	Vĩ Mô &Thị Trường Quý III_Tạo nền vững chắc	Phân tích vĩ mô		Click
2	BSC_ Quyết định 1870 về Lãi suất tác động	Phân tích vĩ mô		Click
3	Báo cáo Tổng kết KQKD 6T.2019_BSC Research	Phân tích ngành		Click
4	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 08.2019	Phân tích vĩ mô		Click
5	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
6	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
7	Vĩ Mô &Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
8	Vĩ Mô &Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi	Phân tích vĩ mô		Click
9	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
10	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
11	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
12	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
14	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
15	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
16	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
17	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
18	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
19	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô_Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PC1	Điện	Mua mạnh	14/10/2019	20.0	29.1	19.5	2,582	7.5	0.9	Click
2	TRC	Cao su	Theo dõi	10/1/2019	38.0	N/a	39.5	3,678	10.7	0.8	Click
3	MSN	Tiêu dùng	Theo dõi	30/09/2019	78.5	82.7	74.0	3,304	22.4	2.8	Click
4	VNM	Tiêu dùng	Theo dõi	27/09/2019	130.0	142.1	132.0	5,465	24.2	8.1	Click
5	TPB	Ngân hàng	Theo dõi	27/09/2020	22.3	26.0	22.5	2,887	7.8	1.6	Click
6	REE	Công nghiệp	Mua	27/09/2021	39.5	48.0	37.7	5,614	6.7	1.2	Click
7	VHC	Thủy sản	Mua	25/09/2019	79.0	93.5	81.0	14,958	5.4	1.6	Click
8	LCG	Xây dựng	Mua	25/09/2019	9.6	11.3	8.3	1,977	4.2	0.6	Click
9	ACB	Ngân hàng	Mua	23/09/2019	22.2	26.3	24.3	3,585	6.8	1.6	Click
10	DIG	Bất động sản	Mua	23/09/2019	13.6	16.3	13.9	1,045	13.3	1.2	Click
11	VCB	Ngân hàng	Theo dõi	17/09/2019	81.9	90.0	87.8	5,274	16.6	4.0	Click
12	DRC	Cao su	Theo dõi	13/09/2019	22.4	25.5	23.8	1,723	13.8	1.8	Click
13	MBB	Ngân hàng	Mua	9/10/2019	22.6	N/a	23.1	3,261	7.1	1.4	Click
14	DBD	Y tế	Theo dõi	9/5/2019	47.4	N/a	54.6	2,801	19.5	3.2	Click
15	GMD	Cảng biển	Mua	30/08/2019	27.9	37.6	26.9	1,888	14.3	1.3	Click
16	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	26.7	3,391	7.9	1.8	Click
17	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	57.8	4,349	13.3	2.9	Click
18	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	14.4	649	22.2	1.3	Click
19	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	124.9	8,321	15.0	4.9	Click
20	PNJ	Bán lẻ	Mua	8/9/2019	84.8	97.2	83.0	4,839	17.2	4.5	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express STK 2019Q4	28/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu 21873; Giá tại Publish 19350 Lũy kế 9 tháng, STK đạt doanh thu thuần và lợi nhuận sau thuế lần lượt 1,653.4 tỷ đồng (-7.2% YoY) và 161.1 tỷ đồng (+22.8% YoY) qua đó hoàn thành lần lượt 63.5% KHDT và 80.7% KHLNST. Riêng Quý 3, doanh thu thuần chỉ đạt 554.2 tỷ (-5.9% YoY) do thị trường các mặt hàng truyền thống sợi nguyên sinh tiêu thụ chậm lại làm sản lượng sợi virgin giảm -12.2% trong 9T19 và giá bán sợi nguyên sinh giảm khiến doanh thu bán sợi virgin giảm 24.1%, nguyên nhân do tác động bán phá giá từ Trung Quốc sang Việt Nam. Nếu Mỹ tiếp tục áp thuế 15% lên 160 tỷ USD hàng Trung Quốc vào 15/12 này thì khả năng giá sợi sẽ tiếp tục khó khăn.
Express SBT 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 18700 Kết thúc niên độ 2018-2019 (18-19) , SBT đạt KQKD tiếp tục suy giảm do tình hình khó khăn chung của ngành đường. DTT và LNST đạt lần lượt là 10,857 tỷ đồng (+5.5% YoY) và 259.3 tỷ đồng (-52% YoY), tương đương EPS đạt 437 VND/CP, qua đó SBT chỉ hoàn thành được 94% kế hoạch doanh thu và 62% kế hoạch LNTT. Tổng sản lượng tiêu thụ đường tăng trưởng tốt đạt 749,000 tấn (+31% YoY) tuy nhiên sản lượng mía ép chỉ đạt 2,761 ngàn tấn (-26% YoY) khiến cho sản lượng đường sản xuất giảm còn 542 ngàn tấn (-10% YoY), nguyên nhân chủ yếu là do tình hình biến đổi khí hậu chịu ảnh hưởng bởi El Nino với nắng hạn kéo dài.
Express HT1 2019Q4	22/10/2019	Khuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 18200; Giá tại Publish 16000 Doanh thu thuần 9T2019 đạt 6,553 tỷ (+8.1% YoY), hoàn thành 73.4% kế hoạch năm nhờ: (1) Sản lượng 9T đạt 5.4 triệu tấn (+9.7% YoY); (2) Giá bán bình quân giảm do năm 2019 tỷ trọng tiêu thụ xi măng rời của HT1 tăng từ 27% (2018) lên khoảng 33% trong 2019. Tuy nhiên, HT1 cho biết trong Q3 công ty đã tiến hành rà soát lại giá bán, điều chỉnh tăng với những vùng có giá bán thấp bất hợp lý. Biến LNG trong 9T2019 tăng từ 16.4% cùng kỳ lên 17.1%, chúng tôi cho rằng biến LNG được cải thiện 1 phần nhờ hỗ trợ bởi giá than (khoảng 30% giá vốn) giảm khoảng 50,000 đồng/tấn (tương đương giảm 1.5-2%). Giá than công ty nhập trong T10 vẫn đang trong xu hướng giảm sẽ hỗ trợ biến LN trong Q4/2019.
Express PHR 2019Q4	15/10/2019	Khuyến nghị THEO DÕI; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 59300 KQKD 9 tháng: DT đạt 685 tỷ đồng (+3% yoy) và LNST đạt 429 tỷ đồng (+23.4% yoy) đến chủ yếu từ doanh thu mủ cao su đạt đến từ sản lượng 20,281.6 tấn (+4.6% yoy) với giá bán bình quân lũy kế 33.5 triệu đồng/tấn (-1.7% yoy), giá bán bình quân tháng 9 đạt 32.3 triệu đồng, cho thấy mức giá cao su vẫn chưa phục hồi. So với kế hoạch đặt ra đạt 68% lợi nhuận sau thuế. Lũy kế thu mua 9 tháng, sản lượng thu mua giảm đạt 8,709 tấn (-12.5% yoy) giúp cải thiện biên lợi nhuận từ mức 6.6% lên 8.1% do mảng thu mua gần như không có lãi.
Express DRC 2019Q4	15/10/2019	KKhuyến nghị MUA; Giá mục tiêu 28381; Giá tại Publish 24450 Doanh thu quý 3 đạt 1,013 tỷ đồng (+8.3% yoy), LNST đạt 82 tỷ (gấp 2.65 lần cùng kỳ), biến LNG cải mức 11.8% lên 13%. Doanh nghiệp duy trì chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp ở mức ổn định chiếm khoảng 4.4% doanh thu. Tỷ lệ giảm trừ doanh thu chiết khấu giảm từ 5.1% xuống còn 4.2%. Kết quả 9T2019 tương ứng hoàn thành 77% và 135% kế hoạch doanh thu và lợi nhuận năm 2019.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV
35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội
Tel: +84 4 3935 2722
Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ
Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh
Tel: +84 8 3821 8885
Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>



Đối với KHTC mời liên lạc:

Vũ Thanh Phong
Trần Thành Hưng
Nguyễn Hoàng Dương
Nguyễn Hoàng Nguyên

Chức vụ

Trưởng phòng TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC
Chuyên viên TVĐT và môi giới KHTC

Địa chỉ email

phongvt@bsc.com.vn
hungtt@bsc.com.vn
duongnh@bsc.com.vn
nguyennh@bsc.com.vn